

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 493/2024/DS-PT

Ngày 30-08-2024

“V/v Tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/8 và 30/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 512/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số B ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/5/2023).

* *Bị đơn:*

1. Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1981;

2. Chị Trần Thị Thúy M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số B ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa ông V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2016 và năm 2019 ông T

cho cho vợ chồng anh T1, chị M mượn tổng cộng 60 chỉ vàng 24k (Vàng 9999) cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 7/2016, anh T1, chị M có gặp ông T hỏi mượn 35 chỉ vàng 24k (Vàng 9999) để nhận cổ đất canh tác, ông T đồng ý cho mượn không lãi suất. Sau đó ông T có giao đủ 35 chỉ vàng 24k (V) cho anh T1 là người trực tiếp nhận tại nhà của ông T, lúc giao vàng không làm giấy tờ và không ai chứng kiến, hẹn khi nào cần thì ông T lấy lại.

Vào khoảng tháng 7/2019, anh T1 có gọi điện thoại hỏi mượn của ông T 25 chỉ vàng 24k (Vàng 9999) để nhận cổ đất canh tác, ông T đồng ý cho mượn không lãi suất. Sau đó vợ chồng anh T1, chị M có đến nhà ông T lấy vàng và ông T có giao 25 chỉ vàng 24k (Vàng 9999) cho anh T1, chị M nhận trực tiếp, hẹn khi nào ông T cần thì lấy lại, khi cho mượn không làm giấy tờ, anh T1 là người trực tiếp nhận vàng và không ai chứng kiến.

Đến tháng 6/2022, có nhu cầu sử dụng vàng nên ông T yêu cầu anh T1 trả lại vàng, nhưng anh T1 nói không trả cho ông T.

Việc ông T cho anh T1 mượn vàng chỉ có ông T và anh Tâm giao d với nhau, chị M có biết hay không ông T không biết. Nhưng mỗi năm vợ của anh T1 là chị M có cho ông T khoảng 10 triệu đồng hoặc mười mấy triệu, chị M nói với ông T là tiền cho ông T uống cà phê, nhưng không nói là tiền gì, nhưng ông T nghĩ là chị M biết việc anh T1 mượn của ông T 60 chỉ vàng. Đến khoảng tháng 4/2023, thì con ông T tên Lê Thanh V1 trong lúc tưới nước vườn cây cùng chị M và anh T1 thì anh V1 có bật điện thoại di động hiệu VIVO của ông T sang chế độ ghi âm, ghi hình bỏ vào túi áo anh V1 sau đó có hỏi chị M về số vàng ông T cho anh T1 mượn. Nội dung đoạn video như sau:

Anh V1 hỏi chị M: *“ba có cho anh chị mượn sáu cây vàng”*, chị M nói: *“đưa vàng lại cho ba về bên ba mua đất cát nhà cho bà nhỏ hết”*, anh V1 nói: *“anh chị trả lại cho ba đi, ba sẽ cho anh hai hai cây, em hai cây, phần anh chị hai cây”*, chị M nói: *“đưa lại cho ba ba cho anh hai mới sợ”*. Sau khi anh V1 và chị M nói chuyện xong, anh V1 chuẩn bị tắt điện thoại thì anh T1 đi lại gần, anh V1 nói với anh T1: *“anh chị giữ sáu cây vàng đó đi, anh chị nói đưa lại cho ba mua đất cát nhà hết”*, anh T1 trả lời: *“bởi vậy”* qua nội dung đoạn video thì chị M, anh V1 không phản đối việc anh V1 nói vợ chồng anh T1, chị M mượn ông T vàng, qua cuộc đối thoại chị M đã thừa nhận vợ chồng chị M, anh T1 có nợ ông T 60 chỉ vàng 24k.

Ngoài chứng cứ là đoạn ghi âm ra thì ông T không còn chứng cứ nào khác để chứng minh là anh T1 có nợ ông T 60 chỉ vàng.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng anh Lê Thanh T1 và chị Trần Thị Thúy M liên đới nghĩa vụ trả lại cho ông T 60 chỉ vàng 24k (Vàng 9999).

- Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Thanh T1 trình bày:

Anh Lê Thanh T1 không thống nhất theo lời trình bày của ông T. Từ trước đến nay anh T1 không có mượn vàng của ông T, việc ông T cho rằng anh T1 mượn của ông T 60 chỉ vàng là không đúng sự thật, nên anh T1 không đồng ý trả cho ông T 60 chỉ vàng 24k theo như yêu cầu của ông T. Anh T1 thừa nhận

hình ảnh và lời nói của người phụ nữ và người đàn ông trong đoạn video mà ông T cung cấp cho Tòa án và phát lại tại phiên hòa giải là hình ảnh và tiếng nói của chị M và anh T1. Nhưng nội dung trong đoạn video chị M, anh T1 không có lời nói nào thừa nhận có mượn 60 chỉ vàng của ông T như ông T trình bày.

- Tại phiên tòa chị Trần Thị Thúy M thống nhất theo lời trình bày của anh T1.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu anh Lê Thanh T1 và chị Trần Thị Thúy M cùng liên đới nghĩa vụ trả 60 chỉ vàng 24k (9999).

2. Về án phí: Ông Lê Văn T được miễn toàn bộ án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 5 năm 2024, ông Lê Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò. Ông Lê Văn T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò. Buộc anh Lê Thanh T1 và chị Trần Thị Thúy M cùng liên đới trả cho ông Lê Văn T 60 chỉ vàng 24k (9999).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn V người đại diện ông Lê Văn T trình bày:

Lần 1: Vào tháng 07/2016, anh T1 và chị M đến nhà ông T hỏi mượn 35 chỉ vàng 24k (vàng 9999), để nhận cổ đất trồng lúa và ông T đã giao đủ vàng.

Lần 2: Vào tháng 07/2019 anh T1 gọi điện thoại ông T tiếp tục hỏi mượn thêm 25 chỉ vàng 24k (vàng 9999) để cổ đất trồng lúa. Anh T1, chị M đến nhà ông T nhận đủ 25 chỉ vàng 24k (vàng 9999).

Tổng cộng 02 lần anh T1, chị M đã mượn của ông T 60 chỉ vàng 24k (vàng 9999). Ông T cho anh T1, chị M mượn vàng không làm giấy tờ, chỉ nói khi nào cần thì ông T sẽ thông báo cho anh T1, chị M biết mà trả lại số vàng trên cho ông.

Tuy nhiên, đến tháng 6/2022 ông T có nhu cầu sử dụng số vàng trên nên ông T yêu cầu anh T1 và chị M trả lại số vàng đã mượn nhưng anh T1, chị M không trả lại số vàng cho ông T. Do đó, ông T đã khởi kiện, căn cứ là Vi bằng số 181/2024/VB-TPL ngày 12/4/2024 của Văn phòng Thừa phát lại tỉnh Đ, đĩa chứa file ghi âm và video.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T nộp trong hạn luật định nên kháng cáo được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn T về việc yêu cầu vợ chồng anh T1, chị M trả cho ông Lê Văn T 60 chỉ vàng 24k (9999) mà anh T1, chị M đã hỏi mượn vào 02 lần vào tháng 7/2016 và lần 2 vào tháng 7/2019, việc ông T cho mượn vàng không có giấy tờ và không có người làm chứng.

[3] Xét thấy, nguyên đơn ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu anh T1, chị M liên đới trả 60 chỉ vàng 24k (9999), không lãi suất dựa trên chứng cứ là đoạn ghi âm từ điện thoại hiệu Vivo của ông T (do anh V1 là con ông T ghi âm) đĩa chứa file ghi âm và video kèm theo Vi bằng số 181/2024/VB-TPL ngày 12/4/2024 của Văn phòng Thừa phát lại tỉnh Đ. Trong suốt quá trình giải quyết ông T xác định không có chứng cứ nào khác xác định vợ chồng anh T1, chị M đã 2 lần mượn 60 chỉ vàng 24k (9999) của ông T vào tháng 7/2016 và tháng 7/2019 mà chỉ căn cứ vào lời thoại trong đoạn ghi âm làm bằng chứng khởi kiện.

Việc anh T1, chị M thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm mà ông T cung cấp đúng là đúng của anh T1, chị M, nhưng anh T1 và chị M không thừa nhận có hỏi mượn 60 chỉ vàng 24k (9999) của ông T cũng như thừa nhận có nợ ông T vàng này.

[4] Xét thấy Vi bằng số 181/2024/VB-TPL ngày 12/4/2024 của Văn phòng Thừa phát lại tỉnh Đ không thể hiện nội dung, lời nói nào của anh T1, chị M thể hiện nội dung vào tháng 07/2016, anh T1 và chị M đến nhà ông T hỏi mượn 35 chỉ vàng 24k (vàng 9999), để nhận cổ đất trồng lúa và vào tháng 07/2019 anh T1, chị M tiếp tục hỏi mượn thêm 25 chỉ vàng 24k (vàng 9999) của ông T, tổng cộng anh T1, chị M nợ ông T 60 chỉ vàng 24k (9999) mà chỉ có lời nói của anh V1 (chủ động ghi âm chị M anh T1 không hay biết) hỏi chị M, anh T1 về 6 cây (lượng) vàng mượn của ông T, nhưng anh T1, chị M cũng không có lời nói nào thể hiện đã hỏi mượn 6 cây vàng 24k (9999) của ông T cũng như thừa nhận còn nợ ông T số vàng này. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định anh T1, chị M có mượn của ông T 60 chỉ vàng 24k (9999). Tại phiên tòa phúc thẩm anh T1, chị M xác định chỉ thuê đất trồng lúa hằng năm từ trước đến nay khoảng mười công đất (10.000m²) và giá thuê là 30.000.000đồng/10.000m²/1 năm và đã thanh toán trả tiền thuê đất hằng năm số tiền 30.000.000đồng cho các chủ cho thuê đất chứ sử dụng vàng 24k để nhận cổ đất như lời ông T trình bày. Do đó, việc ông T cho rằng anh T1, chị M có mượn ông T 60 lượng vàng 24k (9999) để cổ đất trồng lúa là không có căn cứ để chứng minh.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lời thoạt trong đoạn ghi âm của chị M, anh T1 và anh V1 (được ghi ra vi bằng) chưa đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T có cung cấp người làm chứng là anh Huỳnh Văn A, sinh năm 1972 để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng anh Huỳnh Văn A trình bày: Vào tháng 02/2023, anh A có gặp anh T1 và chị M khi đang đi trên đường lộ giao thông nông thôn gần nhà anh A thì anh T1 và chị M có nói với anh A là anh chị có mượn của ông T 6 cây vàng, đã trả được 02 cây vàng còn giữ lại 04 cây vàng. Đến ngày 09/8/2024, anh A có nói lại nội dung trên cho ông T thì ông T xác định anh T1 và chị M còn nợ 06 cây vàng. Xét thấy lời trình bày của anh A cũng không trùng khớp với số vàng ông T hiện khởi kiện đòi anh T1, chị M trả là 06 cây vàng 24k mà không phải là 04 lượng vàng 24k như anh A trình bày. Do đó, lời trình bày của anh Huỳnh Văn A cũng chưa đủ căn cứ để xác định anh T1, chị M có mượn 06 cây vàng của ông T và tại phiên tòa phúc thẩm anh T1, chị M cũng không thừa nhận có gặp anh A vào thời gian tháng 2/2023 và có nói với anh A là có mượn 06 cây vàng của ông T đã trả 02 cây còn nợ ông T 04 cây vàng như anh A trình bày nên yêu cầu kháng cáo của ông T là chưa đủ căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ cũng như thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp nên không thể chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu anh Lê Thanh T1 và chị Trần Thị Thúy M cùng liên đới nghĩa vụ trả 60 chỉ vàng 24k (9999).

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T được miễn toàn bộ án phí.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn T được miễn tiền án phí phúc thẩm, thuộc trường hợp người cao tuổi.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành